

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 25-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh

Ông Nguyễn Hồng Diên

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

Sái Văn H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1974 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang, nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sái Văn S (đã chết) và bà Khổng Thị M, sinh năm 1923; vợ là Đoàn Thúy L, sinh năm 1975 (đã ly hôn năm 1997) và có 01 con sinh năm 1994; tiền án: Có 04 tiền án, tại bản án số 03/1996/HSST ngày 09-02-1996 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội Tổ chức dùng chất ma Ty; tại bản án số 38/1996/HSST ngày 25-10-1996 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; tại bản án số 71/1998/HSST ngày 17-11-1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng chất ma Ty (Bị cáo chưa thi hành 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) hình phạt bổ sung); tại bản án số 22/2012/HSST ngày 10-7-2012 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma Ty (Tại bản án, Tòa án đã nhận định Sái Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” và áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là “Tái phạm nguy hiểm” để xét xử bị cáo); tiền sự:

Không; nhân thân: Không; bị bắt giữ ngày 31-3-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang. Có mặt

Đặng Trường N (tên gọi khác Đặng Thanh A), sinh ngày 23 tháng 3 năm 1971 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang, nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hữu L, sinh năm 1938 và bà Vũ Thị N1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2000; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 26/8/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 03 tháng 11 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo (đã được xóa án tích); bị bắt giữ ngày 31/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị hại: Chị Lý Thu U, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ , thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Anh Đặng Trường L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

2- Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1 - Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 31/3/2020 chị Lý Thu U sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, phát hiện bị mất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, bản 64Gb, màu bạc có gắn 01 sim điện thoại Viettel tại quán làm móng của chị thuộc tổ 4, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, trước khi bị mất điện thoại, chị có để điện thoại trên bàn gọi đầu tại phòng khách của quán, sau khi chị sang nhà hàng xóm bên cạnh chơi khoảng 20 phút quay về nhà thì không thấy điện thoại đâu. Sau khi bị mất trộm điện thoại, chị U đã trình báo đến Công an thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang.

Sau khi nhận được tin báo, Công an thị trấn Việt Quang đã báo cáo lên Công an huyện Bắc Quang phối hợp điều tra, xác minh đã xác định được đối tượng có hành vi trộm cắp tài sản là Sái Văn H, sinh năm 1974 trú tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang và Đặng Trường N, sinh năm 1971, trú tại thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, đồng thời cũng truy thu được vật chứng của vụ việc do các đối tượng H và N đem đi tiêu thụ tại thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang Sái Văn H, Đặng Trường N khai nhận: Sáng ngày 31/03/2020 Sái Văn H đến nhà rủ Đặng Trường N cùng nhau

đi quanh khu vực huyện Bắc Quang xem nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, N đồng ý rồi lấy xe mô tô BKS 23D1 – 354.92 (xe mô tô của Đặng Trường L, sinh năm 1968 là anh trai của N, đi đâu làm gì N không nói L biết) điều khiển chở H phía sau đi từ xã H lên thị trấn Q, huyện Q. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày khi đến khu vực tổ 4, thị trấn Q, huyện Q, H quan sát thấy trong quán của chị Lý Thu U, sinh năm 1999, trú tại tổ 9, thị trấn Q, huyện Q có 01 điện thoại để trên ghế, quán không có người trông coi nên bảo N dừng xe mô tô BKS 23D1 – 354.92 ở phía trước cửa quán chị U, N ở ngoài chờ, còn H một mình vào trong quán lấy trộm được 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, bản 64Gb, màu bạc có gắn 01 sim điện thoại Viettel của chị U cất vào Túi áo của H đang mặc. Sau khi trộm cắp xong H ra vị trí N đợi, rồi N điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 354.92 chở H đi theo đường Quốc lộ 2 hướng về thị trấn T, huyện Q (trên đường đi H có bảo với N vừa trộm được 01 chiếc điện thoại). Sau đó H, N mang điện thoại vừa trộm cắp được bán cho anh Trần Văn T, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Q bán với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), khi bán H là người trực tiếp trao đổi và bảo với anh T là điện thoại nhặt được, không nói là điện thoại do trộm cắp mà có cho T biết. Sau khi bán được điện thoại H chia cho N số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) H giữ lại để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành thu giữ của Trần Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu bạc; thu giữ của Sái Văn H số tiền 1.040.000đ (một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) trong đó có 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền do phạm tội mà có, còn Đặng Trường N đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

Ngày 06-4-2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ban hành yêu cầu định giá tài sản số 24 đối với chiếc điện thoại di động do Sái Văn H, Đặng Trường N trộm cắp.

Tại biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang ngày 07-4-2020 đã định giá và kết luận: 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu APPLE, loại Iphone X, bản 64 GB, màu bạc, được mua mới tháng 9 năm 2019 với giá 15.000.000đ (mười năm triệu đồng), điện thoại cũ đã qua sử dụng. Xác định giá trị tài sản cũ đã qua sử dụng tại thời điểm mất trộm tháng 3 năm 2020, với giá 10.000.000đ (mười triệu đồng); 01 (một) phôi sim điện thoại di động Viettel cũ đã qua sử dụng. Xác định giá trị tài sản với giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng);

Tổng trị giá trị tài sản được xác định là 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 09-4-2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định số 53 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định số tiền 1.040.000đ (một triệu không trăm bốn mươi nghìn) thu giữ của Sái Văn H có phải là tiền thật không.

Tại bản kết luận giám định số 98/KL-PC09 ngày 15-4-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Số tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 24/CT-VKSBQ ngày 22-7-2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Sái Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đặng Trường N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N về tội "Trộm cắp tài sản"

- Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sái Văn H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 31-3-2020); Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Trường N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 31-3-2020).

Về hình phạt bổ sung và án phí: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản và có đơn không yêu cầu các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N phải bồi thường thiệt hại nữa, do đó đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý như sau: Truy thu của bị cáo Đặng Trường N số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền do phạm tội mà có. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Sái Văn H trong số tiền 1.040.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Trả lại cho Sái Văn H số tiền 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ của Sái Văn H. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ

quan, người tiền hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn người làm chứng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản xác định hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang ngày 07/4/2020; kết luận giám định số 98/KL-PC09 ngày 15/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hại cho xã hội nhưng vì ăn chơi, lười lao động và là các đối tượng nghiện ma túy nên đã lén lút lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của người dân để trộm cắp tài sản nhằm mục đích phục vụ việc mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp theo biên bản định giá và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang là 10.050.000đ (*mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), nên bị cáo Đặng Trường N phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, còn đối với bị cáo Sái Văn H trước đó năm 1995 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "tổ chức dùng chất ma túy", năm 1996 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 12 tháng tù giam về tội "trộm cắp tài sản của công dân", trong khi chưa được xóa án tích năm 1998 bị cáo lại tiếp tục phạm tội "tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù giam, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 20.000.000đ và phạt quản chế tại địa phương thời gian là 01 năm, tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/HSST ngày 17/11/1998 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt chính còn hình phạt bổ sung chưa chấp hành nên chưa được xóa án tích, năm 2012 bị cáo tiếp tục phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" và tại bản án số 22/2012/HSST của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tình tiết "Tái phạm nguy hiểm" xử phạt bị cáo H 07 năm tù giam, đến ngày 30/3/2018 bị

cáo chấp hành xong hình phạt nhưng căn cứ vào khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự bị cáo chưa được xóa án tích đối với tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" bị kết án năm 2012. Cho nên hành vi phạm tội của bị cáo lần này vẫn thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm b khoản 2 điều 53 của Bộ luật hình sự, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết "tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, cần phải xử lý các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[5] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

g) Tái phạm nguy hiểm”.

[6] Như vậy, Viện kiểm sát huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, bị cáo Sái Văn H là người khởi sự, rủ bị cáo Đặng Trường N cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp được trong vụ án này là 10.050.000đ (*mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tìm kiếm địa điểm tiêu thụ tài sản do trộm cắp và phân chia số tiền bán tài sản trộm cắp cho bị cáo N, mỗi bị cáo được nhận số tiền 500.000đ, bị cáo N là người giúp sức chở bị cáo H đi thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy, bị cáo Sái Văn H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đặng Trường N.

[8] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên khi áp dụng mức hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để thể hiện chính sách khoan hồng đối với các bị cáo.

[9] Đối với Trần Văn T là người tiêu thụ tài sản do các bị cáo trộm cắp, tuy nhiên khi mua lại tài sản anh T không biết đó là tài sản trộm cắp, các bị cáo cũng không nói cho anh T biết tài sản đó là tài sản trộm cắp, nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn T. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Đối với Đặng Trường L là chủ sở hữu xe mô tô BKS 23D1 – 354.92 là phương tiện để các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng khi

Năm lấy xe máy đi không nói cho L biết đi đâu, làm gì nên không có căn cứ để xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[11] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và có đơn không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[14] Đối với số tiền 1.040.000đ (*một triệu không trăm bốn mươi nghìn*) đã thu giữ của bị cáo Sái Văn H, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã xác định 540.000 đồng là tiền của cá nhân của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội cần được trả lại cho bị cáo, đối với số tiền 500.000 đồng còn lại là tiền do bị cáo bán tài sản trộm cắp cho anh Trần Văn T mà có, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nhưng do đây là tiền thu lời bất chính đã thu giữ được trong vụ án, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo Đặng Trường N được Sái Văn H chia cho sau khi bán tài sản trộm cắp, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc truy thu số tiền này đối với bị cáo N là không có căn cứ, bởi lẽ quá trình điều tra vụ án không thu giữ được số tiền này và hiện tại bị cáo Đặng Trường N đã tiêu sài hết. Mặt khác, trong vụ án này người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát về việc truy thu số tiền 500.000 đồng đối với bị cáo N, không được chấp nhận.

[16] Đối với vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại RSX, màu đỏ đen, BKS 23D1 – 354.92; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 023560 cấp cho xe mô tô BKS 23D1 – 354.92 mang tên Sìn Sào S và 01 điện thoại nhãn hiệu iphone X, bản 64 Gb, màu bạc. Quá trình điều tra, xác định những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 12/6/2020 CQCSĐT Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định xử lý vật chứng số 18 trả lại cho các chủ sở hữu là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[17] Đối với vật chứng là sim điện thoại, sau khi bán điện thoại trộm cắp cho Trần Văn T, T đã tháo và vứt đi, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả và bị hại cũng không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sái Văn H;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Trường N;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. TU bổ các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Sái Văn H 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 31-3-2020).

- Xử phạt bị cáo Đặng Trường N (*tên gọi khác Đặng Thanh A*) 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 31-3-2020).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) của bị cáo Sái Văn H trong tổng số tiền 1.040.000đ (*một triệu không trăm bốn mươi nghìn*) đã thu giữ của bị cáo H và trả lại bị cáo Sái Văn H số tiền 540.000đ (*năm trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Theo biên biên lai thu tiền số 02497 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

4. Về án phí: Các bị cáo Sái Văn H, Đặng Trường N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hà Tuấn Vĩnh

